

BẢNG 5: GIÁ ĐẤT Ở TẠI HUYỆN TRẦN YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 37/2010/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Yên Bái)

A) ĐẤT Ở ĐÔ THỊ (đô thị loại V)

STT	TÊN ĐƯỜNG PHỐ	Loại đường	Giá đất (đ/m ²)				
			Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Đường Yên Bái - Khe Sang (đường trục chính)						
1.1	Đoạn tiếp giáp xã Nga Quán đến đường sắt cắt đường bộ	2	1.200.000	360.000	240.000	120.000	96.000
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới cây xăng thị trấn Cổ Phúc	2	2.500.000	750.000	500.000	250.000	200.000
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất trụ sở UBND thị trấn Cổ Phúc	2	1.800.000	540.000	360.000	180.000	144.000
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Tiến thôn 2	3	1.400.000	420.000	280.000	140.000	112.000
1.5	Đoạn tiếp theo đến cầu Nghĩa Phương (Cầu Đất)	3	1.000.000	300.000	200.000	100.000	80.000
1.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Long thôn 4	3	800.000	240.000	160.000	80.000	64.000
1.7	Đoạn tiếp theo đến ranh giới xã Việt Thành	3	300.000	90.000	60.000	40.000	40.000
2	Đường nhựa trục bờ sông (Đường Yên Bái - Khe Sang cũ)						
2.1	Đoạn ngã ba Chi cục thuế đến hết đất nhà ông Phúc (khu phố 5)	2	2.000.000	600.000	400.000	200.000	160.000
2.2	Đoạn tiếp theo đến giáp phòng Giáo dục	1	3.000.000	900.000	600.000	300.000	240.000
2.3	Đoạn tiếp theo đi ngược đến hết sân vận động trường TH Lê Quý Đôn	2	1.300.000	390.000	260.000	130.000	104.000
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Cách (Khu phố 2)	3	1.000.000	300.000	200.000	100.000	80.000
2.4	Đoạn tiếp theo đến giáp đường rẽ Việt Thành	3	500.000	150.000	100.000	50.000	40.000
2.5	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Huấn thôn 2	3	700.000	210.000	140.000	70.000	56.000
3	Đường nhánh cổng chợ dưới đến ngã tư Công an	2	2.500.000	750.000	500.000	250.000	200.000
4	Đoạn đường nhánh cổng chợ trên đến ngã ba ông Tiến Hợp	2	2.000.000	600.000	400.000	200.000	160.000
5	Đường nhánh phòng Giáo dục đến ngã tư UBND huyện	2	2.000.000	600.000	400.000	200.000	160.000

6	Đường nhánh từ trạm viễn thông Trấn Văn đến ngã tư bưu điện	2	1.300.000	390.000	260.000	130.000	104.000
7	Đường nhánh sân vận động trường Lê Quý Đôn đến ngã ba cây xăng	2	1.300.000	390.000	260.000	130.000	104.000
8	Đường từ Trường THCS thị trấn đến ngã tư ông Long Vân	2	800.000	240.000	160.000	80.000	64.000
9	Đường nhánh từ cổng Công an huyện đến trạm Thù Y						
9.1	Đoạn từ cổng Công an đến hết đất Toà án huyện	3	1.500.000	450.000	300.000	150.000	120.000
9.2	Đoạn tiếp theo đến trạm Thù Y	3	1.000.000	300.000	200.000	100.000	80.000
10	Đường nhánh UBND huyện đi xã Minh Quán						
10.1	Đoạn từ UBND huyện đến đường sắt cắt đường bộ (đoạn Phòng NN cũ)	3	1.000.000	300.000	200.000	100.000	80.000
10.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Minh Quán	3	450.000	135.000	90.000	45.000	40.000
11	Đường nhánh ngã tư Bưu điện mới hướng cầu treo 200m (Cổng Nghĩa trang)	3	1.500.000	450.000	300.000	150.000	120.000
12	Đoạn tiếp theo qua trường nội trú đến ngã tư Long Vân	3	800.000	240.000	160.000	80.000	64.000
13	Đường nhánh từ trạm biến áp 35KVA đến ga Cổ Phúc	3	800.000	240.000	160.000	80.000	64.000
14	Đường từ ga Cổ Phúc đến trường Tiểu học số 1	3	150.000	45.000	40.000	40.000	40.000
15	Đoạn tiếp theo đến cổng trường Nội trú	3	600.000	180.000	120.000	60.000	48.000
16	Đường nhánh cổng chợ dưới ra sông (bến đò Minh Tiến)	3	1.000.000	300.000	200.000	100.000	80.000
17	Đường bê tông Cổ Phúc đi Việt Thành đến giáp ranh xã Việt Thành	3	70.000	40.000	40.000	40.000	40.000
18	Đường Yên Bái - Khe Sang đến giáp ranh xã Hoà Công	3	120.000	40.000	40.000	40.000	40.000
19	Đường nhánh đổi Thương Nghiệp	3	1.200.000	360.000	240.000	120.000	96.000
20	Đường nhánh bê tông khu phố 5 đoạn giáp đất nhà ông Trung Liên đến hết đất nhà ông Lộc Khu phố 5	3	700.000	210.000	140.000	70.000	56.000
21	Đường nhánh từ bến đò Y Can đến ngã tư nhà ông Dương Thơm	3	900.000	270.000	180.000	90.000	72.000